

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**
Bản án số: 60/2024/HS-PT
Ngày: 17/4/2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như.

Các Thẩm phán: Ông Mai Nam Tiến

Ông Vũ Đại Long

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024 /TLPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 do Bản án hình sự sơ thẩm số 02 /2024 /HS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXPT-HS ngày 03/4/2024 đối với:

** Bị cáo - Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng cáo họ và tên: **Trần Thế P**; sinh ngày: 15/5/1960; tại Xã HN, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Tổ X, khu phố Y, phường L, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: tổ Z, khu phố B, phường L, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L (đã chết); Con bà: Phạm Thị S; Vợ: Đặng Thị B1 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2023. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Hiện có mặt tại phiên tòa.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông Mai Văn Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn N, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Hành vi phạm tội của Trần Thế P*

Trần Thế P không có công ăn việc làm ổn định, không có chức năng tuyển dụng xin việc. Từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 5 năm 2022, Trần Thế P đã nhận tiền, hồ sơ xin việc cho 03 người vào làm việc trong Công ty xi măng Long Sơn, thị xã Bỉm Sơn, nhận tiền đầu thầu đất làm trang trại cho 01 người và nhận tiền

chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho 01 người chiếm đoạt tổng số tiền 355.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Vụ thứ nhất: lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị N.

Khoảng tháng 5/2022, P biết Công ty xi măng Long Sơn có trụ sở tại địa chỉ: khu phố Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn đang tuyển dụng công nhân cho dây chuyền 4 nên Ph nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua việc nhận xin việc làm vào Công ty xi măng Long Sơn cho anh Trần Quốc D là chồng của chị Nguyễn Thị N. Để tạo lòng tin cho chị N, P đưa ra thông tin gian dối: P là người nhà bên ngoài của ông H2 - Giám đốc Công ty xi măng Long Sơn, có khả năng xin được việc vào Công ty xi măng Long Sơn và trước đây đã xin được việc cho nhiều người. Nếu chị N muốn xin việc cho chồng thì phải mất chi phí 75.000.000 đồng, nếu đồng ý thì làm hồ sơ và đưa trước 40.000.000 đồng đến cuối tháng 6/2022 có quyết định đi làm sẽ đưa hết số tiền còn lại. Chị N đồng ý.

Ngày 24/5/2023, P chủ động đến nhà chị N nhận hồ sơ xin việc của anh D. Ngày 29/5/2022, Phương tiếp tục đến nhà chị N nhận 40.000.000 đồng để xin việc cho anh Dũng. Chị Nga viết 01 Giấy vay tiền, 01 giấy biên nhận tiền cho chị N và P cùng ký, chị N giữ giấy vay tiền còn P giữ giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận hồ sơ xin việc và tiền thì P không liên hệ với Công ty xi măng Long Sơn và cũng không liên hệ với người nào khác để xin việc cho anh D. Toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng nhận xin việc từ chị N, P đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến đầu tháng 10/2022, không thấy P xin được việc cho anh D, chị N liên lạc đòi lại tiền, P khất nhiều lần không trả nên chị N đã làm đơn tố cáo P đến Công an thị xã Bỉm Sơn.

Ngày 24/4/2023, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chữ ký, chữ viết “Trần Thế P” dưới mục “Người vay” ở Giấy vay tiền và dưới mục “Người nhận giấy” ở Giấy biên nhận tiền so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Trần Thế P” ở các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

2. Vụ thứ 2: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị H1

Từ năm 2019, do có con gái làm nhân viên bán cây cảnh cho cửa hàng nhà chị Phạm Thị H1 nên P thường xuyên đến cửa hàng của chị Huyền chơi, thân thiết với gia đình chị H1. P liên tục đưa ra các thông tin gian dối nhằm tạo sự tin tưởng cho chị H1. Thông qua việc chị H1 nhờ P xin việc vào Công ty xi măng Long Sơn, nhận lo thủ tục đấu thầu đất làm trang trại và nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho người thân quen của chị H1, P đã chiếm đoạt tổng số tiền 315.000.000 đồng của chị H1. Cụ thể:

- Ngày 17/02/2020, tại phòng khách tầng 2 của nhà chị H1, chị H1 đưa số tiền 25.000.000 đồng và hồ sơ xin việc cho P để xin việc cho chị Phạm Thị Trang (là em gái chị H1) vào Công ty xi măng Long Sơn, P hứa hẹn khoảng 03-05 tháng sau sẽ có quyết định đi làm chính thức.

- Ngày 20/02/2020, chị H1 tiếp tục nhờ P xin việc cho chị Nguyễn Thị G (là bạn thân của chị H1) vào làm kế toán tại Công ty xi măng Long Sơn với chi phí khoảng 80.000.000 đồng nhưng đưa trước 30.000.000 đồng, khoảng 03 tháng sau có quyết định đi làm sẽ đưa hết số tiền còn lại. Khoảng 01-02 ngày sau, chị G mang số tiền 30.000.000 đồng và hồ sơ đến nhà chị H1 và cùng chị H1 giao tiền

trực tiếp cho P tại phòng khách tầng 2 nhà chị H1. Tiếp đó, để tạo niềm tin cho chị G và chị H1, P đưa chị G đến Công ty xi măng Long Sơn để nộp hồ sơ xin việc làm tại phòng bảo vệ. Khoảng tháng 6/2020, P chủ động gọi điện thoại cho chị G yêu cầu đưa tiếp số tiền 40.000.000 đồng để nhận quyết định đi làm luôn nên ngày 12/6/2020 chị G mang số tiền 40.000.000 đến nhà chị H1 và cùng chị H1 giao cho P.

Đến hẹn, chị T1 và chị G không có quyết định đi làm nên chị H1 yêu cầu Phương trả lại tiền nhưng P không trả. Sau đó, chị H1 đã tự bỏ tiền cá nhân ra trả lại cho chị G 70.000.000 đồng. Còn số tiền xin việc của chị T1, do chị Trang là em gái của chị H1, chị H1 trực tiếp bỏ tiền cá nhân của mình ra xin việc cho chị T1 nên không phải trả lại cho chị T1.

Kết quả xác minh tại Công ty xi măng Long Sơn: Trong các năm 2020 -2021, Công ty không nhận hồ sơ xin việc và không tuyển dụng ai có tên Phạm Thị T1, Nguyễn Thị G và các thông tin như trên.

Tổng số tiền chị H1 đã đưa cho P để xin việc làm vào công ty xi măng Long Sơn cho chị T1 và chị G là 95.000.000 đồng, việc giao nhận tiền xin việc giữa chị H1 và P có ông Lê Thanh H là bạn với P đi cùng, biết và chứng kiến toàn bộ sự việc.

- Khoảng tháng 04/2020, chị H1 tiếp tục hỏi nhờ P đấu thầu đất làm trang trại cho anh Mai Ngọc Giang để chăn nuôi. Do P quê ở xã HN, huyện HT nên biết xã HN có nhiều diện tích đất bỏ hoang, chưa sử dụng đến. Vì vậy, Phương nhận lời chị H1 và nói sẽ sử dụng mối quan hệ cá nhân để đấu thầu đất ở xã HN, huyện HT cho anh G1 nhưng phải cần số tiền chi phí làm hồ sơ là 20.000.000 đồng. Chị Huyền trao đổi lại với anh G1 thì anh G1 đồng ý và đưa số tiền 20.000.000 đồng cho chị H1 để chị H1 đưa cho P.

Sau khi nhận được tiền của chị H1, P không liên lạc và cũng không hỏi ai, đưa tiền cho ai để đấu thầu đất làm trang trại cho anh G1. Số tiền 20.000.000 đồng P tiêu sài cá nhân hết. Chờ lâu không thấy P báo kết quả, anh G1 liên tục thúc dục và yêu cầu P trả lại tiền nhưng P trì hoãn, không trả lại tiền. Sau đó, anh Giang liên hệ với chị H1 đòi lại tiền và được chị H1 dùng tiền cá nhân trả 20.000.000 đồng cho anh G1.

Qua xác minh, UBND xã HN, huyện HT báo cáo: Trong thời gian từ năm 2020 - 2022, UBND xã HN, huyện HT không tổ chức đấu thầu khu đất nào làm trang trại trên địa bàn xã và UBND xã không nhận hồ sơ tham gia đấu thầu đất làm trang trại nào của ông Trần Thế P và anh Mai Ngọc G1.

- Khoảng tháng 8/2021, chị H1 tiếp tục nhờ P chuyển đổi mục đích sử dụng 500m² đất khai hoang thành 03 lô đất thổ cư cho bạn thân là chị Đinh Thị H2. P đồng ý và yêu cầu chị H2 nộp chi phí mỗi lô đất là 200.000.000 đồng tổng chi phí 03 lô là 600.000.000 đồng, nhưng đưa trước 50% chi phí là 300.000.000 đồng, khoảng 03 tháng sau xong việc thì đưa nốt số tiền còn lại. Chị H2 đồng ý và đưa hồ sơ cho chị H1 để đưa cho P.

Ngày 05/8/2021, P nhận hồ sơ và yêu cầu chị Huyền chuyển 200.000.000 đồng cho P để làm chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị H2. Đến ngày 06/8/2021, chị H2 chuyển cho chị H1 số tiền 100.000.000 đồng, nhận tiền xong,

chị H1 chuyển cả số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng do P cung cấp, tên chủ tài khoản là Trịnh Thị H3 với nội dung “chuyen khoan coc lam so dat”.

Ngày 15/08/2021, theo yêu cầu của P, chị H1 tiếp tục chuyển 50.000.000 đồng với nội dung “H1 nop tien mua dat” vào số tài khoản của Trịnh Thị H3.

Ngày 15/3/2022, P tiếp tục yêu cầu chị H1 chuyển thêm 50.000.000 đồng để nhận hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất của chị H2 luôn. Chị H1 đã chuyển 50.000.000 đồng vào số tài khoản của Trịnh Thị H3 theo yêu cầu của P.

Khoảng tháng 04/2022, P nhờ anh Mai Văn T đóng giả là người đang Công tác tại Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hoá để gọi điện thoại trao đổi nhằm tạo sự tin tưởng cho chị H1 đối với việc P chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị Hiền.

Tổng số tiền chị H1 đã chuyển cho P để chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị Hiền bằng hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Thị H3 là 200.000.000 đồng. Đến tháng 5/2022, do chờ lâu không có kết quả nên chị Hiền giục chị H1 đòi lại tiền thì P đưa ra nhiều lý do để trì hoãn và không trả lại tiền. Khoảng tháng 9/2022, chị H1 đã tự bỏ tiền cá nhân của mình trả lại cho chị H2 200.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, chị Trịnh Thị H3 khai báo: H3 được P nhờ số tài khoản để nhận tiền hộ do chị H1 chuyển đến 03 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này, Hồng đã chi hết theo yêu cầu của P: chuyển vào số tài khoản ngân hàng Vietinbank 107867109454 của P làm nhiều lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng rút tiền mặt đưa cho P 68.000.000 đồng và chuyển khoản trả nợ theo yêu cầu của P 22.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bỉm Sơn: từ tháng 8/2021 đến thời điểm hiện tại Chi nhánh chưa nhận được hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng 500m² đất khai hoang thành đất thổ cư của bà Đinh Thị H3.

Như vậy, từ năm 2020 đến năm 2022, Trần Thế P bằng thủ đoạn gian dối đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 315.000.000 đồng của chị Phạm Thị H1 thông qua việc nhận xin việc làm cho Phạm Thị T1 và Nguyễn Thị G vào công ty xi măng Long Sơn số tiền 95.000.000 đồng nhận đầu thầu đất làm trang trại cho anh Mai Ngọc G1 số tiền 20.000.000 đồng và nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị Đinh Thị H2 số tiền 200.000.000 đồng.

*** Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc H4**

Đầu năm 2021, Trần Thế P quen biết với Nguyễn Ngọc H4 trong một đám cưới tại thị xã Bỉm Sơn. Hoài giới thiệu là cháu ruột của ông Bùi Huy H5-Phó giám đốc sở nội vụ tỉnh Thanh Hóa, P giới thiệu là người quê ở Bỉm Sơn, đang kinh doanh bất động sản, cả hai trao đổi số điện thoại cho nhau để tiện liên lạc.

Khoảng tháng 03/2021, ông Mai Văn Q có nhu cầu xin việc vào biên chế ngành giáo dục huyện Nga Sơn (giáo viên trường cấp 3 huyện Nga Sơn) cho con dâu là chị Trịnh Thị D1. Thông qua ông Lê Đình Tr (là thông gia với gia đình ông Q) giới thiệu, ông Q quen biết với P và nhờ P xin việc vào ngành giáo dục huyện Nga Sơn cho chị D1.

Khoảng 01 tháng sau, ông Q cùng ông Tr đến quán cà phê bên cạnh trường Đại học tài nguyên và môi trường thuộc phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn gặp mặt P để trao đổi công việc. P đưa ra thông tin là có mối quan hệ với lãnh đạo ở Sở nội vụ tỉnh Thanh Hoá nên xin được việc làm cho chị D1 vào biên chế ngành giáo dục ở huyện Nga Sơn với mức chi phí là 200.000.000 đồng nên ông Q đồng ý.

Khoảng đầu tháng 7/2021, Phương gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc H, đề đặt vấn đề nhờ xin việc làm cho chị D1 thì được H4 đồng ý và yêu cầu P gửi hồ sơ xin việc cho H4. P yêu cầu gia đình ông Q mang hồ sơ của chị D1 cùng P đến thành phố Thanh Hoá để nộp trực tiếp cho H4. Khi đến thành phố Thanh Hoá, Phương chủ động tách ra một mình để gặp và đưa hồ sơ cho H4.

Ngày 28/7/2021, P đưa số tài khoản ngân hàng của Trịnh Thị H3 cho ông Q nói đây là số tài khoản ngân hàng của người đang xin việc, yêu cầu ông Q chuyển trước số tiền xin việc cho chị D1 là 150.000.000 đồng. Sau khi tiền được chuyển đến tài khoản ngân hàng của chị H3, P nhờ H3 chuyển đến số tài khoản của chị Phạm Thị T0, sinh năm 1989, trú tại: Khu phố Z, phường BD, thị xã BS số tiền 100.000.000 đồng và chuyển vào số tài khoản ngân hàng của P số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, P liên lạc lấy số tài khoản ngân hàng của H4 rồi nhờ chị T0 chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản của H4 để xin việc cho chị D1 theo yêu cầu của H4. Một thời gian sau, H4 liên lạc nói ông P yêu cầu gia đình ông Q gửi bổ sung hồ sơ xin việc cho chị D1 lên bến xe thành phố Thanh Hoá cho H4.

Ngày 08/10/2021, P yêu cầu gia đình ông Q (vợ chồng ông Q, chị D1 và ông Tr) mang theo số tiền 100.000.000 đồng đến thành phố Thanh Hoá để nhận quyết định đi làm chính thức, tăng thêm 50.000.000 đồng so với số tiền dự kiến ban đầu và được gia đình ông Q đồng ý. Sau đó, gia đình ông Q cùng ông Tr đến thị xã Bim Sơn đón P, tại đây P nói số tiền xin việc phải gửi qua tài khoản ngân hàng, rồi cung cấp số tài khoản ngân hàng của chị Phạm Thị T0 cho chị D1 gửi tiền vào. Sau khi chị D1 gửi tiền xong, P đưa mọi người lên thành phố Thanh Hoá vào một quán cà phê ngồi đợi H4 đến để gặp mặt, nói chuyện. Khi H4 đến, P giới thiệu H4 là cháu ruột của ông Bùi Huy H5-Phó giám đốc sở nội vụ, đang lo xin việc vào biên chế ngành giáo dục cho chị D1. Lúc này, ông Q và H4 trực tiếp trao đổi công việc với nhau, ông Q nói tiền xin việc đã đưa cho P, nhờ H4 giúp đỡ, H4 đưa ra thông tin bây giờ xin biên chế vào ngành giáo dục cho chị D1 rất khó khăn vì chị D1 dạy môn Lịch sử nhưng H4 sẽ cố gắng xin cho chị D1 vào biên chế ngành giáo dục rồi hứa hẹn trong đầu năm 2022 sẽ có quyết định đi làm chính thức.

Ngày 11/10/2021, P yêu cầu chị T0 chuyển tiền đến số tài khoản của Trịnh Thị N số tiền 80.000.000 đồng; chuyển khoản đến tài khoản của Nguyễn Văn D2 số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ và rút 10.000.000 đồng tiền mặt đưa cho P. Khi N nhận được tiền Trần Thế P tiếp tục nhờ N chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng trước đó của H4 số tiền 47.000.000 đồng (*bốn bảy triệu đồng*) để xin việc cho chị D1, chuyển vào tài khoản ngân hàng của P 28.000.000 đồng và rút tiền mặt đưa cho P 5.000.000 đồng.

Sau khi nhận hồ sơ và 147.000.000 đồng tiền xin việc cho chị D thì H4 chỉ hỏi ông Bùi Huy H5 về chỉ tiêu xin vào biên chế ngành Giáo dục tỉnh Thanh Hóa nhưng ông H5 trả lời là không có chỉ tiêu. Ngoài hỏi ông H5 ra, H4 không liên hệ

và không chuyển tiền cho ai để nhờ xin việc cho chị D1. Số tiền này, H4 sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Tháng 12 năm 2022, chị D1 vẫn chưa có Quyết định đi làm nên ông Q đã yêu cầu P trả lại tiền nhưng P đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời gian. Đến đầu năm 2023, ông Q không liên lạc được với P nên đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24/7/2023 Cơ quan điều tra công an huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thế P về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 174 BLHS và chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Bỉm Sơn để nhập vụ án giải quyết theo thẩm quyền (do bị cáo Trần Thế P đang bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Bỉm Sơn bắt tạm giam).

Sau khi thụ lý điều tra nhận thấy: mặc dù Trần Thế P không có chức năng môi giới xin việc làm và đã nhận số tiền 250.000.000 đồng của gia đình ông Quế để xin việc cho chị D1. Nhưng P đã tin tưởng H4 có khả năng xin được việc làm và đã chuyển cho Hoài số tiền 147.000.000 đồng để nhờ H4 xin việc làm cho chị D1. Số tiền 103.000.000 đồng P giữ lại xem như tiền hoa hồng, công môi giới xin việc làm nên đã sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân hết chưa có điều kiện khắc phục lại cho gia đình ông Q. P không đưa ra thông tin gian dối và không có mục đích chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn ra Quyết định đình chỉ hành vi lừa đảo nhận tiền xin việc làm cho chị D1 của P.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Trần Thế P đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000 đồng chị N đã nhận đủ số tiền và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho P. Chị Phạm Thị H1 yêu cầu P bồi thường cho chị số tiền 315.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra trả cho chị T1, chị G, anh G1 và chị H2. Ngoài ra, Trần Thế P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm trả lại cho ông Mai Văn Q số tiền 103.000.000 đồng trong vụ án của Nguyễn Ngọc H4.

- Nguyễn Ngọc H4 đã tự nguyện khắc phục số tiền 147.000.000 đồng cho ông Mai Văn Q, ông Q đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 09/01/2024 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với P); Điều 30, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

* Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế P và Nguyễn Ngọc H4 phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt: Trần Thế P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/3/2023;

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thế P phải bồi thường cho bị hại:

+ Chị Phạm Thị H1 số tiền 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng).

+ Ông Mai Văn Q số tiền 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2024 bị hại Mai Văn Q kháng cáo đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thế P với số tiền là 103.000.000đồng và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho bị hại theo phương thức trả hàng tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Mai Văn Q nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Mai Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 09/01/2024 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí HSPT cho ông Mai Văn Q vì ông Q là người cao tuổi.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Mai Văn Quế nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo P khai nhận do quen biết H4 nên nhận hồ sơ và nhận tiền xin việc cho chị D1. Bị cáo nhận hành vi nhận đầu thầu đất làm trang trại cho anh Mai Ngọc G1 với số tiền 20.000.000đ. Về hành vi lừa đảo xin việc cho chị T1, chị G và nhận tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị H2 bị cáo P không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đủ căn cứ buộc tội bị cáo Phương. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 5 năm 2022, Trần Thế P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền 355.000.000 đồng của người dân trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn. Cụ thể:

+ Chiếm đoạt 40.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N. Đến nay P đã trả lại 40.000.000 đồng cho chị N.

+ Chiếm đoạt 315.000.000 đồng của chị Phạm Thị H1. Số tiền này Phương đã tiêu sài cá nhân hết và đến nay chưa khắc phục lại cho chị Huyền.

Trong thời gian từ năm 2021-2022, Nguyễn Ngọc H4 đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 147.000.000 đồng của ông Mai Văn Q. Đến nay, H4 đã khắc phục lại cho ông Q đủ 147.000.000 đồng.

Đây là vụ án có tích chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều là người có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân mình nhưng vì không tu chí làm ăn, lợi dụng lòng tin của người thân đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản trái phép của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lòng tham tư lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo tác động với gia đình khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có bố mẹ là người có công với cách mạng. Từ đó áp dụng cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thế P mức hình phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

[3] Xét kháng cáo của **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Mai Văn Q và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thấy rằng:

+ Đối với kháng cáo đề nghị truy tố TNHS đối với bị cáo Trần Thế P về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 103.000.000 đồng.

Mặc dù bị cáo Trần Thế P không có chức năng môi giới xin việc làm và đã nhận số tiền 250.000.000 đồng của gia đình ông Mai Văn Q để xin việc cho chị D1. Nhưng P đã tin tưởng H4 có khả năng xin việc cho D1 và đã chuyển cho H4 số tiền 147.000.000 đồng để nhờ H4 xin việc cho D1. P giữ lại 103.000.000 đồng xem như tiền hoa hồng, công môi giới xin việc làm và đã tiêu sài cá nhân, chưa khắc phục lại được cho gia đình ông Q. Bị cáo H4 cũng thừa nhận do bị cáo P tin tưởng bị cáo xin được việc cho chị D1 nên Trần Thế P đã đưa hồ sơ và số tiền 147.000.000 đồng cho bị cáo nhưng bị cáo không xin việc mà tiêu sài cá nhân. Việc bị cáo P đưa ra thông tin gian dối nhưng không có mục đích chiếm đoạt tài sản nên hành vi của bị cáo P không cấu thành tội phạm.

Cấp sơ thẩm đã đình chỉ hành vi lừa đảo nhận tiền xin việc của chị D1 đối với bị cáo P là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với kháng cáo đề nghị bị cáo phải trả số tiền 103.000.000 đồng cho ông Mai Văn Q hàng tháng cho đến hết số tiền.

Cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo Trần Thế P phải bồi thường cho ông Mai Văn Q số tiền 103.000.000 đồng. Kể từ khi bản án có hiệu lực, nếu bị cáo Phương không thanh toán số tiền nêu trên thì ông Q có quyền **đề nghị** thi hành án.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí HSPT nhưng bị hại là người cao tuổi nên được miễn án phí HSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mai Văn Q.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với Phương); Điều 30, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

* Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế P và Nguyễn Ngọc H4 phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt: Trần Thế P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/3/2023;

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thế P (vừa là bị cáo vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) phải bồi thường cho chị Phạm Thị H1 số tiền 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho ông Mai Văn Q số tiền 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng).

Về án phí: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- Công an thị xã Bim Sơn. TH;
- TAND, VKSND thị xã Bim Sơn. TH;
- Chi cục THA DS thị xã Bim Sơn. TH;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tố Như